TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**684**/2020/KDTM-PT
Ngày: 20/7/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Hà Thanh Thủy**

Các thẩm phán: 1. Bà **Nguyễn Thị Trinh**

2. Bà **Vũ Thị Hường**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân**– Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Lân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 năm 2020 và ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2020/KDTM-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 240/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2253/2020/QĐPT-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4897/2020/QĐ-HPT ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty D**

Địa chỉ: Số 13- 13Bis đường KĐ, PhườngC , Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

1.1. Bà Huỳnh Ngọc Y, (văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019). (Có mặt).

1.2. Ông Hồ Hoàng H (Văn bản ủy quyền ngày 16/7/2019).(Có mặt ngày 20/7/2020).

2. Bị đơn: **Công ty BL**

Địa chỉ: Số 185 đường Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Hoàng Văn M và bà Hoàng Lê Hồng Th. Cùng địa chỉ : Số 185 đường ĐBP, phường ĐK, Quận M, Thành phố

Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 5 năm 2020). (ông Mão có mặt, bà Thắm vắng mặt ngày 20/7/2020 nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty BLGĐ có ông Mai Xuân Thảo là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

Địa chỉ: Số 94 đường TQD, Phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Công ty D (sau đây gọi là Công ty D) trình bày:*

Nguyên đơn có mua là 9.048,742 tấn than nhiệt điện (Indonesian Steam Coal) của Công ty PT. Indo Bulk Commodities theo hợp đồng mua bán số DIC/IBC/JULY/BARGE/001 ngày 04/7/2017. Ngày 11/8/2017, số hàng đã được xếp lên tàu vận chuyển. Phương tiện vận chuyển là tàu kéo/sà lan Everline 3/Everline 8 từ Jetty Tapin Coal Terminal, Kalimantan Selatan đến Việt Nam theo vận đơn số 021/WTR-BJM/VIII/2017, bảng kê hàng hóa số 21/PL/DIC-IBC/IX/2017 và hóa đơn số 21/INV/DIC-IBC/IX/2017 cùng ngày 11/8/2017.

Nguyên đơn đã gửi toàn bộ chứng từ hàng hóa nêu trên cho Công ty BLGĐ là công ty trực thuộc Công ty BL (sau đây gọi tắt là Bị đơn) để mua bảo hiểm cho số lượng hàng hóa nêu trên. Bị đơn đã cấp Đơn bảo hiểm số 2584/GCN – 1011/12 – PKD ngày 01/9/2017 cho Công ty D.

Khi hàng hóa vận chuyển về Việt Nam, Công ty D nhận thấy hàng hóa có thể bị thiếu hụt, mất mát trong quá trình vận chuyển nên đã thông báo cho Bị đơn biết và hướng dẫn xử lý. Công ty D cũng đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Bị đơn và chỉ định Công ty SGS Việt Nam TNHH giám định tổn thất . Theo Chứng nhận giám định số 171023000F ngày 03/10/2017 của thì số lượng hàng thực tế được dỡ khỏi tàu kéo/sà lan chỉ có 7.559,69 tấn tức thiếu hụt 1.489,052 tấn so với số hàng 9.048,742 tấn được vận chuyển theo vận đơn số 021/WTR-BJM/VIII/2017, bảng kê hàng hóa số 21/PL/DIC-IBC/IX/2017 và hóa đơn số 21/INV/DIC-IBC/IX/2017 nêu trên. Bị đơn cũng đã chỉ định giám định của mình để đánh giá tổn thất, thiệt hại xảy ra và giám định của Bị đơn cũng kết luận có tổn thất hàng hóa.

Vào ngày 01/12/2017, Công ty D đã gửi văn bản thông báo tổn thất về hàng hóa và Đơn yêu cầu bồi thường đến Bị đơn nhưng Bị đơn không có văn bản trả lời. Ngày 05/02/2018, Công ty D tiếp tục có văn bản số 199/CV – D – BL gửi đến Bị đơn. Tuy nhiên Bị đơn vẫn không giải quyết nên Công ty D khởi kiện đến Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Căn cứ Đơn bảo hiểm số 2854/17/GCN – 1011/12 – PKD và quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18, Điều 21, Điều 29 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm

2010 và Điều 306 của Luật Thương mại để buộc Bị đơn thanh toán số tiền 1.823.212.095 đồng, bao gồm 62.540,184 dollar Mỹ tương đương với 1.448.430.661 đồng là tổn thất, thiệt hại phát sinh từ hao hụt 1.489,052 tấn than nhiệt điện và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 16/12/2017 đến ngày 22/11/2019 là 374.781.434 đồng.

* *Đại diện hợp pháp của Bị đơn trình bày:* Ngày 01/9/2017, Công ty BLGĐ cấp đơn bảo hiểm hàng hóa đường biển số 2854/17/GCN-1011/12-PKD cho Công ty D cho lô hàng 9.048,742 tấn đúng như nội dung trình bày của Công ty D.

Ngày 25/9/2017, Công ty BLGĐ cấp sửa đổi bổ sung với nội dung cảng đến là cảng BP-04 Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/9/2017, Công ty BLGĐ cấp sửa đổi bổ sung đơn bảo hiểm về việc bổ sung thông tin về vận đơn. Các nội dung khác giữ nguyên như đơn bảo hiểm số 2854/17/GCN-1011/12-PKD và sửa đổi bổ sung ngày 25/9/2017.

Hàng hóa được dỡ từ tàu BG "EVERLINE 8" xuống các sà lan tự hành cập mạn BG "EVERLINE 8" bằng cẩu nổi từ ngày 27/09/2017 đến ngày 02/10/2017.

Theo yêu cầu của Tổng Công ty BL, Công ty Giám định VH đã thực hiện giám định mớn nước tàu và sà lan nhận hàng vào ngày 27/9/2017 và ngày 02/10/2017. Kết quả giám định cho thấy tàu giao thiếu 1.488,524 tấn.

Nguyên nhân tổn thất: Tại Phụ lục 3 Biên bản Giám định 200 17090463/HH nêu: "Trước khi dỡ hàng không phát hiện thấy dấu vết của hàng hóa bị ngã đổ hay rơi vãi ra ngoài. Tuy nhiên hàng hóa trên sà lan có hiện tượng bị cháy và khói bốc lên tại một số vị trí trên bề mặt hàng hóa."; "Khi hàng hóa chở trên phương tiện như tàu và sà lan bị cháy, xảy ra trong quá trình lưu giữ, vận chuyển và xếp dỡ sẽ làm khối lượng trên của hàng hóa chở trên phương tiện bị giảm, mất và đây được xem là một trong các nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch khối lượng giữa tổng khối lượng hàng hóa được xếp lên phương tiện vận chuyển tại cảng xếp hàng (nơi hàng hóa được xếp lên tàu và sà lan) với tổng khối lượng hàng hóa thực dỡ từ phương tiện vận chuyển tại cảng dỡ hàng (nơi hàng hóa được dỡ khỏi phương tiện vận chuyển để giao cho người nhận hàng). Cụ thể: Tổng khối lượng hàng hóa thực dỡ từ phương tiện vận chuyển tại cảng dỡ hàng sẽ nhỏ hơn tổng khối lượng hàng hóa được xếp lên phương tiện vận chuyển tại cảng xếp hàng. Hàng hóa trên sà lan TB EVERLINE 3/ BG EVERLINE 8 bị cháy trước và trong quá trình dỡ hàng. Đây được xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thiếu hụt hàng hóa."; "Theo đặc tính hàng hóa thì hàng Indonesian Steam Coal là loại hàng dễ cháy có tính tự sinh nhiệt và khí metan trong quá trình xếp hàng, vận chuyển và dỡ hàng. Hàng hóa bị cháy trong quá trình xếp dỡ, vận chuyển sẽ ảnh hưởng gây thiếu hụt đến khối lượng trong giao nhận hàng hóa".

Ý kiến của Bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty D đã chấp nhận các điều kiện bảo hiểm phù hợp với việc đề phòng và hạn chế rủi ro liên quan đến đặc tính của hàng hóa. Điều kiện bảo hiểm hàng than

1/1/1982 ghi trên đơn bảo hiểm bao gồm: "Warranted shipped under deck otherwise specified or containerized shipment", tạm dịch: "đảm bảo rằng lô hàng được xếp trong hầm hàng ngoại trừ trường hợp đặc biệt hoặc hàng hóa đóng trong container". Công ty D đã biết trước khả năng xảy ra tổn thất đối với hàng hóa là than đá khi được xếp trên boong tàu và không khai báo cho Tổng Công ty BL để điều chỉnh phù hợp về điều kiện bảo hiểm. Công ty D đã không thực hiện nghĩa vụ kê khai đầy đủ, trung thực và đã không áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất hợp lý theo quy định. Công ty D đã không thực hiện đúng điều kiện bảo hiểm ghi trên đơn bảo hiểm cũng như trách nhiệm cung cấp thông tin, đề phòng và hạn chế rủi ro. Do vậy trường hợp tổn thất nêu trên không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty BL. Tổng Công ty BL không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty D.

** Đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Công ty BLGĐ trình bày:*

Công ty BLGĐ là công ty thành viên trực thuộc Công ty BL. Công ty BLGĐ xác nhận ngày 01/9/2017, Công ty BLGĐ có cấp đơn bảo hiểm hàng hóa đường biển số 2854/17/GCN-1011/12-PKD cho Công ty D. Khi cấp đơn bảo hiểm, Công ty BLGĐ đã đính kèm quy tắc chung về bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển (QTC2012-BL), đã giải thích các điều khoản bảo hiểm. Đơn bảo hiểm cũng ghi rõ: "Warranted shipped under deck otherwise specified or containerized shipment", tạm dịch: "đảm bảo rằng lô hàng được xếp trong hầm hàng ngoại trừ trường hợp đặc biệt hoặc hàng hóa đóng trong container". Sau khi cấp đơn phía Công ty BLGĐ còn cấp các sửa đổi bổ sung và sửa đổi cảng đến gửi cho Công ty D theo yêu cầu của Công ty D. Việc thiếu hụt hàng hóa của Công ty D không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm nên đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

*Về nội dung:*Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 240/2019/KDTM-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 17; Điều 18 và Điều 19 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000;

Căn cứ vào Điều 303; Điều 307; Điều 308 và khoản 2 Điều 325 của Bộ luật Hàng hải năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Công ty D về việc buộc Công ty BL thanh toán số tiền 1.823.212.095 đồng, bao gồm 62.540,184 Đô la Mỹ tương đương với 1.448.430.661 đồng là tổn thất, thiệt hại phát sinh từ hao hụt 1.489,052 tấn than nhiệt điện và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 16/12/2017 đến ngày 22/11/2019 là 374.781.434 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 66.696.363 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.126.068 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008038 ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty D còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.570.295 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm cón tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 04/12/2019, Nguyên đơn nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo.Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ngoài ra nguyên đơn cùng trình bày cho rằng Nguyên đơn và bị đơn không có giao kết hợp đồng nên không đồng ý nhận định của bản sơ thẩm cho rằng nguyên đơn phải biết rõ điều khoản loại trừ bảo hiểm trong hợp đồng. Nguyên đơn không được biết về chứng thư giám định của Công ty TNHH Hàng hải VH mà bản án sơ thẩm đã xem xét.

Bị đơn trình bày: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Công ty BLGĐ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng bảo hiểm hàng hóa. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận M thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận M căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Về trình bày của Nguyên đơn cho rằng trong quá trình thụ lý tại cấp sơ thẩm thì nguyên đơn không được biết về chứng thư giám định của Công ty TNHH Hàng hải VH mà bản án sơ thẩm đã xem xét. Do vậy chứng thư này không liên quan hay có giá trị đối với Nguyên đơn. **Xét:** Tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 24/10/2019 có ghi nhận trình bày của Bị đơn đối với chứng thư giám định của Công ty TNHH Hàng hải VH. Nguyên đơn đã ký tên vào biên bản và biên bản cũng ghi nhận việc Nguyên đơn và Bị đơn không yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận trình bày nêu trên của Nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[3.1] Về trình bày của Nguyên đơn cho rằng Công ty D không có ký hợp đồng bảo hiểm với Bị đơn nên không có việc điều khoản loại trừ bảo hiểm được ghi nhận trong đơn bảo hiểm số 2584/GCN – 1011/12 – PKD ngày 01/9/2017 là một thỏa thuận về điều khoản loại trừ. **Xét:** Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn và Bị đơn đều xác định Công ty D tham gia mua bảo hiểm cho lô hàng 9.048,742 tấn than nhiệt điện (Indonesian Steam Coal) kể từ thời điểm được Bị đơn cấp đơn bảo hiểm số 2584/GCN – 1011/12 – PKD ngày 01/9/2017. Ngoài đơn bảo hiểm ra thì đôi bên không ý hợp đồng nào khác để bảo hiểm cho lô hàng. Theo quy định tại Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010) thì đơn bảo hiểm cũng là một hình thức giao kết hợp đồng bảo hiểm. Do vậy có cơ sở để xác định đơn bảo hiểm số 2584/GCN – 1011/12 – PKD ngày 01/9/2017 do Bị đơn cấp cho Công ty D (bản tiếng Anh đã dịch sang tiếng Việt và được công chứng tại Phòng tư pháp Quận M0 ngày 29/07/2019 do Công ty D giao nộp)

là căn cứ chứng minh các bên có giao kết hợp đồng bảo hiểm. Ngoài ra, theo nội dung của đơn bảo hiểm thì: Công ty D đã mua bảo hiểm cho lô hàng 9.048,742 tấn than nhiệt điện (Indonesian Steam Coal) theo vận đơn số 021/WTR-BJM/VIII/2017 ngày 11/8/2017 và hợp đồng mua bán số DIC/IBC/JULY/BARGE/001 ngày 04/7/2017. Tại đơn bảo hiểm cũng ghi nhận điều kiện, điều khoản bảo hiểm loại trừ theo điều khoản bảo hiểm hàng than 1/1/1982. Do vậy trình bày của Nguyên đơn nêu trên là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.2] Về tổn thất hàng hóa: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn và Bị đơn trình bày thống nhất xác định lô hàng trên đã xảy ra tổn thất trong quá trình vận chuyển. Điều này cũng thể hiện tại hai chứng thư giám định do cả hai bên thực hiện gồm: Giám định của Công ty Giám định VH ngày 25/9/2019 do Bị đơn chỉ định cho kết luận số lượng hàng bị thiếu 1.488,524 tấn và Giám định ngày 03/10/2017 của Công ty SGS Việt Nam TNHH do Nguyên đơn chỉ định cho kết luận hàng bị thiếu là 1.489, 052 tấn. Do vậy bản án sơ thẩm chấp nhận trình bày của nguyên đơn về việc hàng hóa bị tổn thất là có sở.

[3.3] Về yêu cầu bồi thường tổn thất hàng hóa của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Theo điều 172 Luật hàng hải Việt nam năm 2015 quy định: " *Hàng hóa chỉ được chở trên boong nếu có thỏa thuận giữa người vận chuyển với người giao hàng hoặc theo tập quá thương mại và phải ghi rõ trong chứng từ vận chuyển*". Tại vận đơn vận chuyển số 021/WTR-BJM/VIII/2017 ngày 11/8/2017 thể hiện hàng hóa được xếp lên tàu mà không xác định là xếp dưới boong tàu hay trên boong tàu. Trong quá trình tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Công ty D trình bày xác định hàng hóa được xếp trên boong tàu. Theo điều khoản bảo hiểm hàng than 1/1/1982 được ghi nhận tại Đơn bảo hiểm hàng hóa đường biển số 2854/17/GCN-1011/12-PKD do Bị đơn cấp cho Công ty D nêu rõ*: "Bảo đảm rằng lô hàng được xếp dưới boong tàu, ngoại trừ lô hàng cụ thể hay hàng chứa trong container, tàu phải có giấy chứng nhận bảo hiểm P&R quốc tế hay tương đương"*. Như vậy, nội dung ghi nhận nêu trên đã rõ nên khi mua bảo hiểm và nhận Đơn bảo hiểm có nội dung này thì phía Công ty D buộc phải biết trách nhiệm bảo hiểm chỉ được phát sinh khi "bảo đảm lô hàng được xếp dưới boong tàu". Nguyên đơn không thể nại lý do chưa được bị đơn giải thích rõ nên không biết về điều khoản này là điều khoản bảo đảm để phát sinh trách nhiệm bảo hiểm. Ngoài ra, người tham gia bảo hiểm là Công ty D đã biết trước hàng than là hàng hóa dễ sinh nhiệt trong quá trình xếp hàng, vận chuyển, dỡ hàng và việc hàng được xếp trên boong tàu sẽ dễ xảy ra tự cháy nhưng khi mua bảo hiểm đã không kê khai tình tiết này dẫn đến hàng bị cháy dẫn đến tổn thất là vi phạm khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi bổ sung năm 2010) quy định về quyền và nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Hơn nữa, sau khi nhận Đơn bảo hiểm do Bị đơn cấp thì nguyên đơn cũng không có ý kiến về điều khoản bảo hiểm nêu trong đơn. Do vậy bản án sơ thẩm nhận định cho rằng lô hàng của nguyên đơn có tổn thất, hao hụt như

trình bày của nguyên đơn là đúng nhưng do hàng hóa được xếp trên boong tàu không phải xếp dưới boong tàu như quy định tại Đơn bảo hiểm hàng hóa đường biển số 2854/17/GCN-1011/12-PKD nên không phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của bị đơn là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn trả số tiền 1.823.212.095 đồng, bao gồm 62.540,184 Đô la Mỹ tương đương với 1.448.430.661 đồng là tổn thất, thiệt hại phát sinh từ hao hụt 1.489,052 tấn than nhiệt điện và 374.781.434 đồng tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 16/12/2017 đến ngày 22/11/2019 là có căn cứ pháp luật, phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa. Kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 66.696.363 đồng tính trên khoản tiền yêu cầu khởi kiện nhưng không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn koong phải chịu án phí.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn- Công ty D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D về việc buộc Công ty BL thanh toán số tiền 1.823.212.095 đồng, bao gồm 62.540,184 Đô la Mỹ tương tương đương với 1.448.430.661 đồng là tổn thất, thiệt hại do hao hụt 1.489,052 tấn than nhiệt điện và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 16/12/2017 đến ngày 22/11/2019 là 374.781.434 đồng phát sinh theo Đơn bảo hiểm hàng hóa đường biển số 2854/17/GCN-1011/12-PKD.

2.Về án phí:

2.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty D phải chịu là: 66.696.363 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.126.068 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0008038 ngày 21 tháng 8

năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty D còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.570.295 đồng.

2.2 .Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty D phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0005579 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- TAND Quận M;
- Cục THADS TP HCM
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Thủy